

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện cải cách hành chính Quý I/2026 và phương hướng, nhiệm vụ 9 tháng cuối năm 2026 của tỉnh Đắk Lắk

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Công văn số 4625/BNV-CCHC ngày 02/7/2025 của Bộ Nội vụ về việc xây dựng kế hoạch cải cách hành chính và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ; UBND tỉnh Đắk Lắk báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính (CCHC) Quý I/2026 và phương hướng, nhiệm vụ 9 tháng cuối năm 2026 của tỉnh Đắk Lắk, như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Kế hoạch CCHC

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 0156/KH-UBND ngày 26/12/2025 về CCHC nhà nước tỉnh Đắk Lắk năm 2026 với 49 nhiệm vụ thuộc các lĩnh vực CCHC của tỉnh, xác định cụ thể nhiệm vụ, trách nhiệm, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ để các cơ quan, địa phương thực hiện. Trên cơ sở Kế hoạch CCHC năm 2026 của tỉnh, đến nay, về cơ bản các cơ quan, địa phương đã ban hành Kế hoạch công tác CCHC năm 2026 của cơ quan, địa phương mình để thực hiện.

Ngày 16/01/2026, UBND tỉnh đã ban hành Chương trình hành động số 02/CTr-UBND về thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026; trong đó, đưa ra 07 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm và 04 chỉ tiêu nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công để các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện trong năm 2026.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 06/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục tăng cường kỷ luật kỷ cương hành chính, đẩy mạnh thực hiện đồng bộ hiệu quả cải cách thủ tục hành chính. Qua báo cáo các cơ quan, đơn vị, tác phong, lề lối làm việc được duy trì, nền nếp, khẩn trương triển khai công việc, không để ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng thực hiện nhiệm vụ.

UBND tỉnh đã triển khai đồng bộ công tác CCHC, ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC như: Công văn số 1426/UBND-PVHCC ngày 27/01/2026 về việc tiếp tục chấn chỉnh, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công và nâng cao Chỉ số phục vụ người dân,

doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, Công văn số 2266/UBND-NV ngày 12/02/2026 về việc tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan, đơn vị gắn với thực hiện CCHC trong năm 2026.

Hiện nay, tỉnh đang triển khai xây dựng các dự thảo Chương trình hành động của Tỉnh ủy về CCHC giai đoạn 2026 - 2030 và các nhiệm vụ được giao tại Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 10/02/2026 của Tỉnh ủy về thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2026 - 2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững giai đoạn đến năm 2045.

2. Công tác kiểm tra CCHC

Trong Quý I/2026, tỉnh Đắk Lắk đang xây dựng Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Dự kiến, tỉnh triển khai công tác kiểm tra CCHC tại các cơ quan, đơn vị nhất là cấp xã trong Quý II và Quý III/2026.

3. Công tác tuyên truyền CCHC

UBND tỉnh đang xây dựng Kế hoạch tuyên truyền và lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai tại tỉnh; đồng thời, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền thực hiện CCHC và hoạt động của Chính quyền địa phương 02 cấp.

Trong năm 2026, tỉnh tiếp tục thực hiện Chương trình “Dân hỏi - Thủ trưởng cơ quan hành chính trả lời”. Các Sở, ban, ngành và địa phương tiếp tục tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác CCHC trên Trang thông tin điện tử của ngành, địa phương.

Bên cạnh đó, tỉnh đã triển khai sâu rộng, đồng bộ công tác tuyên truyền cổ động trực quan chào mừng cuộc Bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân, nhiệm kỳ 2026 - 2031 bằng nhiều hình thức như: Tổ chức treo cờ Đảng, cờ Tổ quốc, băng rôn, khẩu hiệu, cờ phướn tại trụ sở làm việc, tuyên truyền trên pa-nô, áp phích, trên bảng điện tử, màn hình LED tại các tuyến đường, trục giao thông trọng điểm, khu vực trung tâm, địa điểm bỏ phiếu bầu cử và các địa điểm phù hợp khác, chỉ đạo các tổ dân phố, khu dân cư tăng cường tuyên truyền, vận động Nhân dân treo cờ Đảng, cờ Tổ quốc tại hộ gia đình bảo đảm đồng bộ, trang trọng, mỹ quan.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC (chi tiết số liệu thống kê theo Phụ lục đính kèm)

1. Cải cách thể chế

1.1. Công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra và rà soát văn bản quy phạm pháp luật

Trong Quý I năm 2026, UBND tỉnh ban hành các báo cáo liên quan đến công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, gồm: Báo cáo kết quả thực hiện công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) trên địa bàn tỉnh năm 2025 (Báo cáo số 0303/BC-UBND ngày

16/12/2025 của UBND tỉnh); Báo cáo công tác pháp chế trên địa bàn tỉnh năm 2025 (Báo cáo số 0341/BC-UBND ngày 25/12/2025 của UBND tỉnh); Báo cáo về tình hình hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp năm 2025 (Báo cáo số 0336/BC-UBND ngày 25/12/2025 của UBND tỉnh); Báo cáo thực trạng công tác soạn thảo văn bản QPPL và các giải pháp nâng cao chất lượng soạn thảo văn bản QPPL theo hướng thí điểm mô hình soạn thảo văn bản QPPL tập trung, chuyên nghiệp trong thời gian tới (Báo cáo số 49/BC-STP ngày 03/02/2026 của Sở Tư pháp).

Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã ban hành các kế hoạch triển khai nhiệm vụ công tác tư pháp và pháp chế trên địa bàn tỉnh, gồm: Kế hoạch số 0157/KH-UBND ngày 29/12/2025 về công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát và xử lý văn bản QPPL năm 2026; Kế hoạch số 0162/KH-UBND ngày 30/12/2025 về triển khai nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp năm 2026; Kế hoạch số 0166/KH-UBND ngày 31/12/2025 về triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2026 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 27/01/2026 về triển khai công tác pháp chế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2026; Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 10/02/2026 về tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

1.1.1. Công tác xây dựng văn bản QPPL

Trong kỳ báo cáo, tỉnh đã thực hiện 123 lượt góp ý đối với các dự thảo văn bản, tham gia 85 lượt phiếu ý kiến thành viên UBND tỉnh; đồng thời, thẩm định 34 dự thảo văn bản QPPL của HĐND tỉnh và UBND tỉnh theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị.

1.1.2. Công tác xây dựng văn bản quy định chi tiết Luật, Nghị quyết của Quốc hội

Tiếp tục theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng các dự thảo văn bản QPPL được giao tại Quyết định số 23/QĐ-HĐND ngày 26/11/2025 của Thường trực HĐND tỉnh và Công văn số 09110/UBND-TH ngày 04/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành Danh mục Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 9.

1.1.3. Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL

Để tăng cường hiệu quả phối hợp trong thực hiện công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 055/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 ban hành Quy chế phối hợp trong công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Trong Quý I năm 2026, công tác kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh tiếp tục được UBND tỉnh triển khai đồng bộ, bảo đảm

kịp thời phát hiện và kiến nghị xử lý các văn bản không còn phù hợp. Tỉnh đã thực hiện tự kiểm tra 19 văn bản (gồm 18 Quyết định của UBND tỉnh và 01 Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh); đồng thời, thực hiện rà soát các văn bản QPPL trong một số lĩnh vực trọng tâm, gồm: lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Báo cáo số 262/BC-STP ngày 29/12/2025 của Sở Tư pháp) và lĩnh vực quản lý biên giới (Báo cáo số 264/BC-STP ngày 31/12/2025 của Sở Tư pháp), làm cơ sở kiến nghị xử lý các văn bản không còn phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tiễn. Trên cơ sở chỉ đạo của Bộ Tư pháp tại Công văn số 8309/BTP-KTVB&QLXLVPHC ngày 16/12/2025 và nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại Công văn số 010298/UBND-NC ngày 25/12/2025, Sở Tư pháp đã tổ chức rà soát, lập danh mục và tự kiểm tra các văn bản liên quan đến lao động, bảo hiểm xã hội, việc làm, an toàn, vệ sinh lao động; đồng thời, có Báo cáo số 44/BC-STP ngày 30/01/2026 gửi về Bộ Tư pháp theo đúng thời hạn quy định.

Ngoài ra, căn cứ Luật Ban hành văn bản QPPL số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15) và các văn bản hướng dẫn thi hành, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 công bố Danh mục văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh hết hiệu lực hoặc ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong năm 2025.

Trong kỳ báo cáo, tỉnh đã cập nhật **48** văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, gồm: **09** Nghị quyết của HĐND tỉnh (từ Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND đến Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND), **38** Quyết định của UBND tỉnh (từ Quyết định số 014/2025/QĐ-UBND đến Quyết định số 059/2025/QĐ-UBND và từ Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND đến Quyết định số 19/2026/QĐ-UBND) và **01** Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh (Quyết định số 01/2026/QĐ-CTUBND), bảo đảm cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác theo quy định.

1.2. Công tác theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Để triển khai công tác theo dõi thi hành văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 21/01/2026 về theo dõi việc thi hành văn bản QPPL năm 2026; Công văn số 2812/UBND-NC ngày 03/3/2026 chỉ đạo triển khai Quyết định số 48/2025/QĐ-TTg ngày 12/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngoài ra, tỉnh cũng duy trì việc kiểm tra hàng ngày Hệ thống phản ánh, kiến nghị về văn bản QPPL của tỉnh nhằm kịp thời tiếp nhận, xử lý theo quy định. Trong kỳ báo cáo, Hệ thống đã tiếp nhận 06 phản ánh, kiến nghị; qua rà soát xác định không thuộc phạm vi tiếp nhận của Hệ thống phản ánh, kiến nghị về văn bản QPPL của tỉnh.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC) và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Trong thời gian qua, bám sát chương trình CCHC và cải cách TTHC của Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành Trung ương, UBND tỉnh

ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành công tác cải cách TTHC trên địa bàn tỉnh, như: Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 02/02/2026 ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC năm 2026; Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 05/02/2026 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2026. Qua đó, chỉ đạo các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường đẩy mạnh cải cách TTHC; tăng cường rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh không còn phù hợp; kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc, nhất là các “điểm nghẽn”, “ách tắc” trong quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC, đặc biệt đối với các lĩnh vực có số lượng hồ sơ lớn như đất đai, hộ tịch, xây dựng và các TTHC mới được phân cấp, phân định thẩm quyền. Đồng thời, UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương không ban hành quy định làm phát sinh thủ tục, chi phí hoặc thời gian giải quyết trái quy định hoặc không cần thiết, ảnh hưởng đến quyền lợi của người dân, doanh nghiệp.

Thực hiện Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 09180/UBND-PVHCC ngày 05/12/2025 và Công văn số 2507/UBND-PVHCC ngày 25/02/2026 để chỉ đạo triển khai trên phạm vi toàn tỉnh. Nội dung trọng tâm là đẩy mạnh khai thác, tái sử dụng thông tin, dữ liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong quá trình giải quyết TTHC, hạn chế yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại các giấy tờ đã có trong hệ thống; đồng thời, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của địa phương có quy định TTHC để đề xuất sửa đổi, bãi bỏ các quy định còn yêu cầu nộp lại giấy tờ đã được số hóa. Cách tiếp cận này thể hiện rõ định hướng chuyển từ “quản lý hồ sơ” sang “quản lý dữ liệu” trong giải quyết TTHC.

Bên cạnh đó, thực hiện Công điện số 242/CĐ-TTg ngày 21/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 010187/UBND-PVHCC ngày 23/12/2025 yêu cầu các Sở, ban, ngành tập trung hoàn thành các mục tiêu cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, công khai TTHC nội bộ và thực hiện TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính; đồng thời, gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện cải cách TTHC.

Đối với việc bảo đảm vận hành thông suốt các hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các Bộ, ngành, UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai theo tinh thần Công văn số 39/TTg-KSTT ngày 09/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ, yêu cầu các cơ quan, đơn vị tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trên hệ thống điện tử theo đúng quy định; không tiếp nhận hồ sơ ngoài hệ thống; bảo đảm đồng bộ dữ liệu với Công Dịch vụ công quốc gia; phân công rõ trách nhiệm các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc hỗ trợ kỹ thuật, bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định, thông suốt.

Song song với công tác chỉ đạo, UBND tỉnh tăng cường công tác truyền thông và thay đổi nhận thức trong thực hiện cải cách TTHC, quán triệt nguyên tắc không yêu cầu người dân cung cấp lại thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu; đẩy mạnh hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực

tuyến, khai thác dữ liệu điện tử trong giải quyết TTHC.

2.1. Kết quả thực hiện lĩnh vực cải cách TTHC

2.1.1. Về rà soát, đánh giá TTHC

Thực hiện nhiệm vụ rà soát, đánh giá TTHC, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 05/02/2026. Theo Kế hoạch, có tất cả 09 cơ quan, đơn vị¹ được giao chủ trì triển khai thực hiện rà soát TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý của cơ quan, đơn vị mình. Bên cạnh đó, Kế hoạch còn xác định rà soát theo nhiệm vụ trọng tâm đối với 09 lĩnh vực². Hiện tại, Văn phòng UBND tỉnh đang phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ để rà soát, đánh giá TTHC lĩnh vực Nội vụ, Khoa học và Công nghệ.

Bên cạnh đó, tiếp tục chủ trì hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước trong năm 2026; Chủ tịch UBND tỉnh giao các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước và trong từng cơ quan, bảo đảm 100% TTHC nội bộ được rà soát, đơn giản hóa về thủ tục, thời gian và chi phí thực hiện; đồng thời, sửa đổi, hoàn thiện quy trình giải quyết để phù hợp với yêu cầu tinh gọn tổ chức bộ máy, bảo đảm hoạt động thông suốt, hiệu quả.

2.1.2. Về công bố, cập nhật, công khai TTHC

Trong Quý I/2026, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 68 Quyết định công bố Danh mục TTHC và phối hợp với các Sở, ban, ngành cập nhật, đăng tải công khai đầy đủ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo quy định. Số TTHC công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia cấp tỉnh: 1.816 TTHC, cấp xã: 419 TTHC. Bên cạnh đó, các bộ TTHC ngay sau khi công bố đều được các Sở, ban, ngành có liên quan và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh niêm yết công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc tại nơi thực hiện TTHC; trên các Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Cổng Thông tin điện tử tỉnh và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh theo quy định.

2.2. Thực hiện phân cấp, ủy quyền, phân định thẩm quyền trong giải quyết TTHC

UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND cấp xã chủ động rà soát, tổ chức triển khai ngay các nhiệm vụ, TTHC mới được phân cấp từ trung ương xuống địa phương, nhất là các TTHC liên quan đến xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa; phân công cơ quan, đơn vị chuyên môn thực hiện tiếp nhận, kiểm tra, xử lý các TTHC mới được phân cấp như: cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm xuất khẩu, cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, giấy phép lưu hành tự do, giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở có xuất khẩu ra thị trường nước ngoài...

¹ Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Xây dựng, Thanh tra tỉnh.

² Lĩnh vực: Nội vụ, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường, Dân tộc và Tôn giáo, Tư pháp, Giáo dục và Đào tạo, Xây dựng, Thanh tra tỉnh, Ngoại giao.

2.3. Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

2.3.1. Tình hình tổ chức và hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công

Hiện nay, có tất cả 16 lĩnh vực TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 16 Sở, ban, ngành được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Trung tâm Phục vụ hành chính công của 102 UBND xã, phường đã thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo đúng quy định.

UBND tỉnh chỉ đạo các địa phương rà soát, bố trí đầy đủ cán bộ, công chức, viên chức và cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm, phù hợp với quy mô, số lượng nhiệm vụ, hồ sơ TTHC, cũng như tính đến các yếu tố đặc thù của công việc, bảo đảm triển khai việc tiếp nhận, giải quyết TTHC hiệu quả, thông suốt, không để xảy ra tình trạng ách tắc cục bộ hoặc bị gián đoạn. Đồng thời, tỉnh thực hiện nghiêm việc số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC trong quá trình tiếp nhận, xử lý tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.

Bên cạnh đó, thực hiện Kế hoạch số 013/KH-UBND ngày 01/8/2025, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 02287/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 về phê duyệt 100% TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Hiện các cơ quan, đơn vị, địa phương đã niêm yết, công khai danh mục TTHC không phụ thuộc địa giới tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh các cấp và trên Cổng/Trang thông tin điện tử; đồng thời, tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn để người dân, tổ chức, doanh nghiệp biết và thực hiện.

2.3.2. Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC

Từ ngày 15/12/2025 đến ngày 14/3/2026, tỉnh Đắk Lắk đã tiếp nhận 569 PAKN của công dân về quy định TTHC. Ngay sau khi tiếp nhận được PAKN của cá nhân, tổ chức, UBND tỉnh chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh chủ động liên hệ, tham mưu chuyển PAKN và phối hợp các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan để giải quyết, trả lời các PAKN theo đúng quy định của pháp luật. Đến nay, 516 PAKN đã được các cơ quan có liên quan trả lời, xử lý theo quy định, còn 53 PAKN đang trong thời gian xử lý (UBND tỉnh đã chuyển PAKN đến cơ quan, đơn vị, địa phương để xử lý).

2.3.3. Về vận hành, ứng dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của các Bộ, ngành

Trong bối cảnh triển khai Hệ thống thông tin giải quyết TTHC theo mô hình tập trung từ Trung ương đến địa phương, UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ban, ngành chủ động phối hợp với Bộ, ngành trong việc chuẩn hóa dữ liệu, cấu hình quy trình và phân quyền cán bộ. Các cơ quan, đơn vị cử đầu mối quản trị hệ thống, phối hợp khảo sát, kiểm thử kỹ thuật và tiếp nhận xử lý vướng mắc trong quá trình vận hành.

Đồng thời, việc đồng bộ dữ liệu giữa Hệ thống của tỉnh và Hệ thống của Bộ, ngành được triển khai theo yêu cầu, bảo đảm phục vụ tra cứu, thống kê, báo cáo tình hình giải quyết TTHC. Các nhóm hỗ trợ kỹ thuật, đường dây nóng và kênh trao đổi trực tuyến được thiết lập nhằm xử lý kịp thời các sự cố phát sinh. Công tác đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp xã về vận hành hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của các Bộ, ngành và quy trình nghiệp vụ theo kiến trúc mới được tổ chức đồng bộ.

Việc triển khai Hệ thống thông tin giải quyết TTHC dùng chung của Bộ, ngành trên địa bàn tỉnh bước đầu được thực hiện nghiêm túc, đúng định hướng và tiến độ theo yêu cầu của Trung ương. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai vẫn còn một số nội dung cần tiếp tục phối hợp, hướng dẫn, hoàn thiện, nhất là liên quan đến chuẩn hóa quy trình, dữ liệu và bảo đảm sự thống nhất giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC dùng chung ngành của Bộ, ngành với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh trong giai đoạn vận hành chính thức.

Ngoài ra, tỉnh còn tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 và đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp, UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đẩy nhanh tiến độ hoàn thành việc tái cấu trúc quy trình, cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết liên quan đến doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; đồng thời, tiếp tục hoàn thiện, phát triển Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (địa chỉ: baocao.daklak.gov.vn) nhằm kết nối, tích hợp, chia sẻ các thông tin, dữ liệu từ Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; hướng tới hình thành Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của tỉnh kết nối với Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh giao Văn phòng UBND tỉnh với Sở Khoa học và Công nghệ, Viễn thông Đắk Lắk và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai kết nối, tích hợp, đồng bộ hồ sơ và tổ chức kiểm thử toàn trình các dịch vụ công trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia theo lộ trình và hướng dẫn của Trung tâm dữ liệu quốc gia - Bộ Công an.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước

Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tăng cường quán triệt, tuyên truyền triển khai có hiệu quả việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW và các văn bản chỉ đạo của địa phương; tuyên truyền về mục tiêu, ý nghĩa của việc đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) nhằm nâng cao nhận thức, tạo đồng thuận ở các ngành, các cấp, các đơn vị sự nghiệp và toàn xã hội trong việc thực hiện chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL, đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công.

Tiếp tục triển khai thực hiện Công văn số 59-CV/BCĐ ngày 12/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết 18-NQ/TW về “sắp xếp đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và đầu mối bên trong các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị”; Kế hoạch số 130/KH-BCĐTKNQ18 ngày 21/9/2025 của Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ về “sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức bên trong hệ thống hành chính nhà nước”; Kế hoạch số 11/KH-TU ngày 31/10/2025 của Tỉnh ủy về sắp xếp tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và đầu mối bên trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị tỉnh và Kế hoạch số 0121/KH-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh về sắp xếp các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và đầu mối bên trong các cơ quan, tổ chức thuộc Chính quyền địa phương... bảo đảm bộ máy mới đi vào hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thông suốt.

3.1. Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) thuộc và trực thuộc bộ, cơ quan

Thực hiện mô hình Chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh, sau khi hợp nhất, tỉnh Đắk Lắk có 13 Sở, ngành chuyên môn thuộc UBND tỉnh và 102 xã, phường. Ngoài ra, còn 02 tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh (Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk và Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên), 01 Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh.

Đến nay, đã thực hiện rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan hành chính nhà nước theo mô hình tổ chức Chính quyền địa phương 02 cấp; tăng cường công tác rà soát, sắp xếp lại hệ thống các ĐVSNCL theo hướng tinh gọn, cơ cấu hợp lý và nâng cao hiệu quả hoạt động. Trên cơ sở các Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ, ngành Trung ương:

- Đối với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh: UBND tỉnh đã ban hành 13/13 văn bản quy phạm pháp luật quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các cơ quan chuyên môn.

- Đối với 102 Phòng chuyên môn thuộc UBND xã, phường: Đã ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của 102/102 Văn phòng HĐND và UBND xã, phường; 102/102 phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường); 102/102 phòng Văn hóa - Xã hội.

Đến nay, sau khi sắp xếp, tổ chức lại, trên địa bàn tỉnh có 1.580 ĐVSNCL, trong đó: cấp tỉnh có 223 ĐVSNCL (bao gồm: 09 ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh; 214 ĐVSNCL thuộc Sở, ngành và tương đương); cấp xã có 1.357 ĐVSNCL thuộc UBND cấp xã.

3.2. Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc bộ, cơ quan

Thực hiện Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính

phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, UBND tỉnh về quy định khung số lượng và tên gọi phòng chuyên môn áp dụng tại UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Tiếp tục thực hiện việc rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp, trường học, cơ sở y tế, doanh nghiệp nhà nước đảm bảo tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu năng, hiệu quả hoạt động các cơ quan, đơn vị: thực hiện sáp nhập Trường Cao đẳng Y tế Phú Yên vào Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk³; sáp nhập Trường Cao đẳng nghề Phú Yên vào Trường Cao đẳng Đắk Lắk⁴; tổ chức lại Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên; tổ chức lại Bệnh viện Đa khoa Phú Yên; tổ chức lại các Trạm Y tế cấp xã theo đơn vị hành chính và chuyển giao các Trạm Y tế xã, phường thuộc Trung tâm Y tế từ trực thuộc Sở Y tế về trực thuộc UBND cấp xã... Chuẩn bị các nội dung trình tổ chức lại Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (đơn vị sự nghiệp công lập) thành Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp Đắk Lắk; thẩm định Đề án Sáp nhập Trường Cao đẳng sư phạm Đắk Lắk vào Trường Đại học Phú Yên.

UBND tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn tạm thời mẫu Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cấp xã. Hướng dẫn UBND các xã, phường việc tiếp nhận và thành lập Trạm Y tế cấp xã.

Đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương hoàn thiện tạo lập dữ liệu trên phần mềm thử nghiệm cơ sở dữ liệu về tổ chức, bộ máy. Đến nay, cơ sở dữ liệu về tổ chức, bộ máy cơ bản đã được cập nhật.

3.3. Về biên chế công chức, viên chức

Căn cứ Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của HĐND tỉnh Đắk Lắk khóa X, kỳ họp thứ Hai về việc Quyết định biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính, phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các ĐVSNCL và hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong ĐVSNCL tỉnh Đắk Lắk, năm 2026; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 02532/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 về việc giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính, phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các ĐVSNCL và hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong ĐVSNCL tỉnh Đắk Lắk, năm 2026 và Quyết định số 02681/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 02532/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh về việc giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính, phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các ĐVSNCL và hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong

³ Theo Quyết định số 3299/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

⁴ Theo Quyết định số 3614/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

ĐVSNCL tỉnh Đắk Lắk, năm 2026, bao gồm: **9.230** biên chế cán bộ, công chức; **52.447** người làm việc trong các ĐVSNCL (không bao gồm số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu của ĐVSN).

Việc quản lý và sử dụng biên chế của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh được thực hiện đúng quy định và đảm bảo quy trình.

3.4. Về vị trí việc làm

UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt danh mục vị trí việc làm các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính và Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh đã triển khai Công văn số 1086/BNV-CCVC ngày 05/02/2026 của Bộ Nội vụ về việc triển khai thực hiện Nghị định số 361/2025/NĐ-CP của Chính phủ; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng Đề án vị trí việc làm trong cơ quan hành chính, ĐVSNCL trên địa bàn tỉnh; giao các cơ quan, đơn vị báo cáo thẩm định Đề án vị trí việc làm của Trung tâm Công nghệ và Công thông tin điện tử tỉnh Đắk Lắk thuộc Văn phòng UBND tỉnh Đắk Lắk, góp ý về Đề án vị trí việc làm của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh và cho ý kiến danh mục vị trí việc làm của các Trạm Y tế thuộc UBND cấp xã.

3.5. Về điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp năm 2026

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 28/01/2026 về việc thành lập Ban Chỉ đạo điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp năm 2026 tỉnh Đắk Lắk; triển khai điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp năm 2026 đến UBND các xã, phường.

Về nhiệm vụ điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp năm 2026 tỉnh: Tỉnh đã thành lập Tổ Thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo Điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp năm 2026 tỉnh Đắk Lắk; ban hành Kế hoạch Điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp năm 2026 tỉnh Đắk Lắk và triển khai, xây dựng Kế hoạch Điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp năm 2026 cấp xã.

3.6. Về công tác phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền

Trong thời gian qua, quán triệt sâu sắc chủ trương của Đảng, Nhà nước về xây dựng mô hình Chính quyền địa phương 02 cấp, gắn với phân cấp, phân quyền mạnh mẽ cho cơ sở, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản cụ thể hóa, phân định rõ trách nhiệm, thẩm quyền giữa cấp tỉnh và cấp xã, phường; đẩy mạnh CCHC, ứng dụng chuyển đổi số để bảo đảm bộ máy vận hành thông suốt, hiệu quả.

Qua đó, Chính quyền cơ sở ngày càng chủ động hơn trong xử lý công việc, gần dân, sát dân và kịp thời đáp ứng yêu cầu thực tiễn của địa phương. Chính quyền cấp xã mới đã tổ chức thực hiện, triển khai và đảm bảo thi hành pháp luật, quyết định các vấn đề của Chính quyền cấp xã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Chính quyền địa phương cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền.

Trong kỳ báo cáo, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định phân cấp các

lĩnh vực, cụ thể: Quyết định số 049/2025/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 về việc phân cấp thẩm quyền cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 29/01/2026 ban hành Quy định về quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị, khu chức năng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Các cơ quan, đơn vị trong tỉnh cũng chủ động rà soát các nhiệm vụ phân cấp sau khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn.

4. Cải cách chế độ công vụ

UBND tỉnh xác định công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách là nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi, xuyên suốt trong công tác quản lý nhà nước; theo đó đã ưu tiên toàn diện, tập trung nguồn lực để thực hiện nhằm nâng cao chất lượng, tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đảm bảo thực hiện chế độ, chính sách đủ, đúng, kịp thời...⁵

UBND tỉnh đã cho chủ trương bổ nhiệm 01 Phó Giám đốc Cơ quan quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Đắk Lắk⁶; bổ nhiệm lại 01 Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp M'Drắk⁷; cử người đại diện tại Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk⁸; thông báo nghỉ hưu đối với 01 người đại diện phần vốn Nhà nước⁹; ban hành Quyết định nghỉ hưu theo chế độ bảo hiểm xã hội đối với 01 viên chức¹⁰; bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Cảng Vũng Rô¹¹.

4.1. Về chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức luôn được quan tâm, thực hiện kịp thời, đảm bảo đúng quy định

Thực hiện nâng lương thường xuyên, trước thời hạn, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với 33 trường hợp; xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp nhận 06 công chức ngoài tỉnh; miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Bệnh viện đa khoa Vùng Tây Nguyên; tiếp nhận vào làm công chức đối với 54 trường hợp; chuyển công tác đối với 69 viên chức và 36 người lao động¹²; thống nhất biệt phái đối với 04 viên chức và 02 viên chức chuyển công tác ra ngoài tỉnh; tiếp nhận 02 viên chức làm việc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1; đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp nhận, bố trí việc làm đối với 03 viên chức thuộc các Hội không do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

Trong Quý I/2026, UBND tỉnh phê duyệt 75 trường hợp đủ điều kiện tinh

⁵ Quyết định số 02/2026/QĐ-CTUBND ngày 12/3/2026 quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk; Văn bản số 3237/UBND-NV ngày 12/3/2026 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 179/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính Phủ quy định về mức hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyên đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng...

⁶ Ông Đoàn Quang Hưng, Phó Giám đốc Cơ quan quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Đắk Lắk (cũ) giữ chức vụ Phó Giám đốc Cơ quan quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Đắk Lắk;

⁷ Ông Nguyễn Văn Hoàng, Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp M'Drắk;

⁸ Ông Nguyễn Công Định, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần cấp nước Đắk Lắk;

⁹ Ông Nguyễn Viết Trọng, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk;

¹⁰ Ông Nguyễn Đình Thìn, Phó PGĐ Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông và nông nghiệp phát triển nông thôn tỉnh;

¹¹ Ông Lê Giác Hiểu, Trưởng phòng Kế hoạch - Điều độ, Công ty TNHH MTV Cảng Vũng Rô;

¹² Quyết định số 1449/QĐ-SNV ngày 23/01/2026 của Sở Nội vụ về việc chuyển công tác đối với viên chức, người lao động trường Cao đẳng nghề Phú Yên đến nhận công tác tại trường Cao đẳng Đắk Lắk.

giản biên chế theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

4.2. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng

UBND tỉnh ban hành và triển khai Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2026 theo Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 22/01/2026.

4.3. Công tác kỷ luật, kiểm điểm

Kịp thời tham mưu, triển khai, đôn đốc việc tổ chức kiểm điểm, xử lý kỷ luật, cụ thể: Kết luận thanh tra số 358/KLTTCP ngày 27/9/2024, Báo cáo số 2884/BC-TTCP ngày 19/11/2025 của Thanh tra Chính phủ; Kết luận thanh tra số 402/KLTT-TTCP ngày 30/10/2024 của Thanh tra Chính phủ; Kết luận Thanh tra số 02/KL-TTr ngày 10/11/2025 của Thanh tra tỉnh; Thông báo số 68/TB-UBND ngày 27/02/2026 và Thông báo 72/TB-UBND ngày 02/3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh; Kết luận số 232-KL/TW ngày 08/01/2026 của Ban Bí thư; Báo cáo về việc kiểm điểm, xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân có vi phạm khuyết điểm theo kết luận tại Thông báo số 72/TB-UBND ngày 02/3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Ngoài ra, tỉnh thực hiện các báo cáo theo quy định về kết quả thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức do sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và chính sách tinh giản biên chế năm 2025; kết quả rà soát văn bản QPPL theo Công văn số 1370/BNV-CTL&BHXH ngày 12/02/2026 của Bộ Nội vụ; kết quả thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang về công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; thống kê ngành Nội vụ; báo cáo về kết quả tinh giản biên chế năm 2025.

Kịp thời tham mưu các văn bản hướng dẫn một số nội dung liên quan đến lĩnh vực Nội vụ khi thực hiện Chính quyền địa phương 02 cấp; hướng dẫn hồ sơ, quy trình thủ tục tiếp nhận, điều động, chuyển công tác đối với công chức, viên chức; chuyển xử lý đơn theo quy định.

5. Cải cách tài chính công

Tỉnh đã bám sát các Nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, tập trung phần đầu thực hiện nghiêm, đồng bộ các giải pháp tài chính - ngân sách nhà nước, góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội của tỉnh.

5.1. Về công tác phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã tỉnh Đắk Lắk từ năm 2026

UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết 16/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm

phân chia các nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã tỉnh Đắk Lắk từ năm 2026; Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

5.2. Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách

UBND tỉnh giao Sở Tài chính thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách như: Báo cáo số 389/BC-STC ngày 18/12/2025 về kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước về Báo cáo kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2024 của tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo số 425/BC-STC ngày 26/12/2025 về kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước về Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2024 và Chuyên đề về đầu tư, ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin, các hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ chuyên đề chuyển đổi số giai đoạn 2021-2024 của tỉnh Đắk Lắk; Công văn số 420/STC-TH&QLNS ngày 25/12/2025 về kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước về Báo cáo kiểm toán chuyên đề việc đầu tư, ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin, các hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2024 của tỉnh Phú Yên (cũ); Báo cáo số 426/BC-STC ngày 26/12/2025 về kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước về Báo cáo kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2024 của tỉnh Phú Yên (cũ); Báo cáo số 427/BC-STC ngày 26/12/2025 kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước về Báo cáo kiểm toán chuyên đề điều tiết, quản lý và sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư phát triển kinh tế xã hội.

5.3. Về kết quả thực hiện các quy định về quản lý sử dụng tài sản công

5.3.1. Tình hình ban hành và thực hiện các văn bản pháp luật về quản lý sử dụng tài sản công

UBND tỉnh đã ban hành 05 Quyết định sau: (1) Quy định phân bổ số lượng và phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk; (2) Quy định Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; (3) Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; (4) Quy định mức tỷ lệ (%) cụ thể để xác định đơn giá thuê đất; mức tỷ lệ (%) để tính tiền thuê đất đối với đất xây dựng công trình ngầm, đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; (5) Quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk, tham mưu triển khai đến các đơn vị;

Đăng ký danh mục 05 văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh, gồm: (1) Quyết định phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; phục vụ hoạt động chung tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk; (2) Quyết

định của UBND tỉnh ban hành về phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức; diện tích chuyên dùng cơ sở hoạt động sự nghiệp và diện tích công trình sự nghiệp của ĐVSNCL thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk; (3) Quyết định của UBND tỉnh quy định chính sách ưu đãi (miễn, giảm) tiền thuê nhà cho các đối tượng ưu tiên trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; (4) Quyết định phân cấp thẩm quyền quyết định bán vật tư, vật liệu thu hồi tại các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk; (5) Quyết định sửa đổi khoản 1 Điều 3 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

5.3.2. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công

Nhìn chung, công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh đã nghiêm túc thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Về sắp xếp, xử lý tài sản công là trụ sở làm việc trên địa bàn tỉnh

UBND tỉnh ban hành các Quyết định số: 348/QĐ-UBND ngày 28/01/2026 về việc giao tài sản công là cơ sở nhà, đất của Bảo hiểm xã hội cơ sở Tuy An cho Ban quản lý dự án ĐTXD Tuy An quản lý, sử dụng; 365/QĐ-UBND ngày 29/01/2026 Chuyển giao nguyên trạng 36 cơ sở nhà, đất là tài sản công tiếp nhận từ các cơ quan thuộc Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp về cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và UBND các xã, phường quản lý, xử lý; 538/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 Chuyển giao tài sản công tiếp nhận từ Thuế tỉnh Đắk Lắk thuộc Cục Thuế (Bộ Tài chính) về cho UBND xã quản lý, sử dụng; 650/QĐ-UBND ngày 06/03/2026 Điều chuyển tài sản công là các cơ sở nhà, đất của địa phương cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk và Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tiếp nhận, quản lý, sử dụng.

- Về bố trí, sắp xếp xe ô tô

Tổng số xe ô tô (bao gồm xe phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng) tiếp tục sử dụng thuộc phạm vi quản lý tại thời điểm 13/01/2026: 675 chiếc. Tổng số xe ô tô thuộc phạm vi quản lý tại thời điểm 0h ngày 01/01/2025: 711 chiếc; trong đó: Thu hồi: 02 chiếc; có quyết định thanh lý: 32 chiếc; bán tài sản: 02 chiếc; thực hiện điều hòa (điều chuyển) nội bộ: 142 chiếc; giao tài sản: 02 chiếc.

UBND tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn tiêu chuẩn kỹ thuật và mức giá dự toán của tài sản thuộc danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp quốc gia là xe ô tô phục vụ công tác chung; triển khai mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung xe ô tô phục vụ công tác chung năm 2026 trên địa bàn tỉnh.

- Việc quản lý, sử dụng tài sản công khác

Tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn tiêu chuẩn kỹ thuật và mức giá dự toán mua sắm tài sản là máy photocopy thuộc danh mục tài sản mua sắm tập trung và văn bản đăng ký nhu cầu mua sắm máy photocopy theo phương thức tập trung

năm 2026. Phối hợp với Cục Quản lý Công sản (Bộ Tài chính) tổ chức 03 lớp Tập huấn nghiệp vụ Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý của tỉnh Đắk Lắk (tháng 01/2026). Từ ngày 02/3 đến 21/3/2026 Sở Tài chính trực tiếp hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị trên toàn tỉnh thực hiện Tổng kiểm kê. Tham gia Hội thảo công tác quản lý tài sản công năm 2026 do Bộ Tài chính tổ chức.

5.4. Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại địa phương (các xã, phường)

Căn cứ các quy định về quản lý tài chính - ngân sách; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương về việc triển khai vận hành mô hình Chính quyền địa phương 02 cấp, Phòng Ngân sách xã phường đã kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn các xã, phường triển khai thực hiện¹³; UBND tỉnh trả lời các kiến nghị, đề xuất tại Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ Hai¹⁴; trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri sau kỳ họp thường lệ cuối năm 2025¹⁵; trả lời kiến nghị của cử tri sau Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV¹⁶; thực hiện các nội dung có liên quan “Chiến dịch Quang Trung” tại tỉnh Đắk Lắk¹⁷; UBND tỉnh trả lời kiến nghị của các xã, phường¹⁸; phối hợp thẩm định kết quả tự đánh giá chất lượng hoạt động của các cơ quan, đơn vị tỉnh Đắk Lắk năm 2025¹⁹; UBND tỉnh đã bố trí kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031²⁰; chuẩn bị nội dung cho lãnh đạo UBND tỉnh làm việc tại các xã²¹; triển khai các nội dung có liên quan để trình bổ sung

¹³ Các Công văn số: 5223/STC-NSXP ngày 19/12/2025 V/v phúc đáp Văn bản số 1915/CV-UBND ngày 18/12/2025 của UBND phường Tân An; 5304/STC-NSXP ngày 23/12/2025 V/v có ý kiến về kinh phí đưa ngư dân gặp nạn Indonesia về nước; 5303/STC-NSXP ngày 23/12/2025 V/v có ý kiến về kinh phí trang trí Tết Bình Ngô 2026 - phường Buôn Ma Thuột; 5380/STC-NSXP ngày 24/12/2025 V/v cho chủ trương lập phương án sử dụng đất đối với diện tích đất có nguồn gốc thu hồi từ nông, lâm trường, công ty nông, lâm nghiệp giao về địa phương quản lý tại địa bàn xã Ea Kar; 5408/STC-NSXP ngày 25/12/2025 V/v phúc đáp Công văn số 2192/UBND ngày 23/12/2025 của UBND phường Sông Cầu; 1783/STC-NSXP ngày 07/03/2026 V/v tạm tính 70% số tăng thu năm 2025 để thực hiện cải cách tiền lương năm 2026....;

¹⁴ Công văn số 5031/STC-NSXP ngày 15/12/2025 V/v tham mưu UBND tỉnh nội dung Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ Hai;

¹⁵ Công văn số 1621/STC-NSXP ngày 03/03/2026 V/v tham mưu trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri sau kỳ họp thường lệ cuối năm 2025;

¹⁶ Công văn số 232/STC-NSXP - 13/01/2026 V/v trả lời kiến nghị của cử tri sau Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV; 1363/STC-NSXP ngày 11/02/2026 V/v tham mưu nội dung trả lời kiến nghị của cử tri sau kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV.

¹⁷ Các Công văn số: 5021/STC-NSXP ngày 15/12/2025 V/v tham gia góp ý dự thảo Quyết định Ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp: Di dân ổn định đời sống Khu dân cư thôn Vĩnh Xuân (để khắc phục hậu quả thiên tai do cơn bão số 13 Kalmaegi và đợt mưa lớn từ ngày 15/11/2025 - 20/11/2025 gây ra); 5076/STC-NSXP ngày 17/12/2025 V/v kinh phí thực hiện “chiến dịch Quang Trung” thần tốc xây dựng mới, sửa chữa nhà ở khẩn cấp cho các hộ gia đình có nhà bị sập, đổ, trôi do cơn bão số 13 Kalmaegi và đợt mưa lớn từ ngày 15/11/2025 đến ngày 20/11/2025 gây ra trên địa bàn tỉnh; 5141/STC-NSXP ngày 18/12/2025 V/v tham gia hỗ trợ kinh phí ủng hộ Chương trình “Nhà cho đồng bào vùng lũ”; 5198/STC-NSXP ngày 19/12/2025 V/v kinh phí Quỹ Thiện Tâm tài trợ thực hiện “Chiến dịch Quang Trung” tại tỉnh Đắk Lắk; 5199/STC-NSXP ngày 19/12/2025 V/v tham gia góp ý hồ sơ thanh quyết toán kinh phí thực hiện “Chiến dịch Quang Trung” thần tốc xây dựng mới, sửa chữa nhà ở khẩn cấp cho các hộ gia đình có nhà bị sập, đổ, trôi do cơn bão số 13 Kalmaegi và đợt mưa lớn từ ngày 15/11/2025 đến ngày 20/11/2025 gây ra trên địa bàn tỉnh; 5305/STC-NSXP ngày 23/12/2025 V/v cung cấp thông tin về tài khoản thụ hưởng để tiếp nhận kinh phí hỗ trợ xây dựng mới, sửa chữa nhà ở khẩn cấp cho các hộ gia đình có nhà bị sập, đổ, trôi do cơn bão số 13 Kalmaegi và đợt mưa lớn từ ngày 15/11/2025 đến ngày 20/11/2025 gây ra trên địa bàn tỉnh....;

¹⁸ Công văn số 1195/STC-NSXP - 06/02/2026 V/v trả lời kiến nghị của các xã, phường; 1211/STC-NSXP - 06/02/2026 V/v trả lời kiến nghị của các xã, phường theo Công văn số 1895/UBND-TH ngày 05/02/2026 của UBND tỉnh; 1056/STC-NSXP - 03/02/2026 V/v trả lời kiến nghị của các xã, phường;

¹⁹ Công văn số 5044/STC-NSXP ngày 16/12/2025 V/v phối hợp thẩm định kết quả tự đánh giá chất lượng hoạt động của các cơ quan, đơn vị tỉnh Đắk Lắk năm 2025;

²⁰ Công văn số 902/STC-NSXP - 28/01/2026 V/v hướng dẫn nguồn kinh phí và báo cáo tình hình thực hiện kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031;

²¹ Công văn số 942/STC-NSXP - 29/01/2026 V/v chuẩn bị nội dung cho lãnh đạo UBND tỉnh làm việc tại xã Hòa Phú; 992/STC-NSXP - 30/01/2026 V/v chuẩn bị nội dung lãnh đạo UBND tỉnh làm việc với xã Pong Drang và xã Krông Năng;

kinh phí khám nghĩa vụ quân sự cấp xã năm 2026 cho các xã, phường²²; đánh giá, đề xuất các xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển, thu hút nhiều dự án đầu tư²³; triển khai các nội dung có liên quan đến việc hỗ trợ cho các hộ dân bị ngập lụt và bị thiệt hại do mưa lũ trên địa bàn tỉnh²⁴; thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh²⁵; sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai để hỗ trợ địa phương khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra²⁶.

Căn cứ các quy định về quản lý tài chính - ngân sách; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương về việc triển khai vận hành mô hình Chính quyền địa phương 02 cấp, UBND tỉnh giao Sở Tài chính đã kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn các xã, phường triển khai thực hiện²⁷; UBND tỉnh điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương năm 2025 của tỉnh sau sắp xếp²⁸; hướng dẫn, đôn đốc các xã, phường báo cáo số liệu để tổng hợp, xây dựng dự toán năm 2026²⁹; nhập phân bổ dự toán bổ sung có mục tiêu cho các xã, phường trên hệ thống Tabmis đối với các nguồn kinh phí bổ sung, đảm bảo điều kiện cho các xã, phường kịp thời rút bổ sung thực hiện chi các nhiệm vụ.

5.5. Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh

- Kết quả sau khi sắp xếp lại các ĐVSNCL, toàn tỉnh có 1.580 đơn vị, trong đó: 08 tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; 23 tự đảm bảo chi thường xuyên; 64 tự đảm bảo một phần chi thường xuyên; 1.485 do ngân sách

²² Công văn số 5205/STC-NSXP ngày 19/12/2025 v/v lấy ý kiến đối với kinh phí khám nghĩa vụ quân sự cấp xã năm 2026; 5424/STC-NSXP ngày 25/12/2025 v/v lấy ý kiến về Báo cáo nhu cầu kinh phí khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự và thực hiện nghĩa vụ tham gia CAND năm 2026;

²³ Công văn số 903/STC-NSXP - 28/01/2026 v/v đánh giá, đề xuất các xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển, thu hút nhiều dự án đầu tư.

²⁴ Công văn số 5688/STC-NSXP ngày 31/12/2025 v/v rà soát số liệu hỗ trợ cho các hộ dân bị ngập lụt và bị thiệt hại do mưa lũ gây ra trên địa bàn tỉnh; 201/STC-NSXP ngày 12/01/2026 v/v cung cấp thông tin về tài khoản tiếp nhận kinh phí hỗ trợ giống cây trồng giúp Nhân dân khôi phục sản xuất, ổn định đời sống sau thiên tai; 231/STC-NSXP ngày 13/01/2026 v/v tham gia góp ý dự thảo văn bản hướng dẫn công tác cấp phát, thanh toán, quyết toán nguồn vốn hỗ trợ giống cây trồng giúp Nhân dân khôi phục sản xuất, ổn định đời sống sau thiên tai; 253/STC-NSXP ngày 13/01/2026 v/v hỗ trợ giống cây trồng giúp Nhân dân khôi phục sản xuất, ổn định đời sống sau thiên tai; 201/STC-NSXP ngày 12/01/2026 v/v cung cấp thông tin về tài khoản tiếp nhận kinh phí hỗ trợ giống cây trồng giúp Nhân dân khôi phục sản xuất, ổn định đời sống sau thiên tai; 231/STC-NSXP - 13/01/2026 v/v tham gia góp ý dự thảo văn bản hướng dẫn công tác cấp phát, thanh toán, quyết toán nguồn vốn hỗ trợ giống cây trồng giúp Nhân dân khôi phục sản xuất, ổn định đời sống sau thiên tai; 253/STC-NSXP - 13/01/2026 v/v hỗ trợ giống cây trồng giúp Nhân dân khôi phục sản xuất, ổn định đời sống sau thiên tai; 350/STC-NSXP - 15/01/2026 v/v hướng dẫn công tác cấp phát, thanh toán, quyết toán nguồn vốn hỗ trợ giống cây trồng giúp Nhân dân khôi phục sản xuất, ổn định đời sống sau thiên tai; 880/STC-NSXP - 28/01/2026 v/v đề nghị làm rõ cơ sở phân bổ phân bổ kinh phí NSTW hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai năm 2025 gây ra;

²⁵ Công văn số 175/STC-NSXP ngày 09/01/2026 V/v mức hỗ trợ tiền điện sinh hoạt cho hộ nghèo, hộ chính sách năm 2026; 351/STC-NSXP - 15/01/2026 V/v thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh;

²⁶ Công văn số 173/STC-NSXP ngày 09/01/2026 V/v sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai để hỗ trợ địa phương khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra; 187/STC-NSXP ngày 10/01/2026 V/v góp ý dự thảo Tờ trình điều chỉnh, bổ sung danh sách nhà ở hư hỏng nặng và nhà bị tốc mái, hư hỏng một phần do cơn bão số 13 Kaimaegi và đợt mưa lớn từ ngày 15/11/2025 đến ngày 20/11/2025 gây ra trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; 202/STC-NSXP ngày 12/01/2026 V/v báo cáo định kỳ tình hình thực hiện và giải ngân kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai, thiệt hại do mưa lũ gây ra trên địa bàn tỉnh;

²⁷ Công văn số 503/STC-NSXP ngày 28/7/2025; Công văn số 431/STC-NSXP ngày 25/7/2025; Thông báo số 16/TB-STC ngày 25/07/2025; Công văn số 421/STC-NSXP ngày 25/7/2025; Công văn số 432/STC-NSXP ngày 25/7/2025; Công văn số 286/STC-NSXP ngày 18/7/2025; Công văn số 174/STC-NSXP ngày 15/7/2025; Công văn số 153/STC-NSXP ngày 15/7/2025; Công văn số 52/STC-NSXP ngày 09/7/2025; Công văn số 841/STC-NSXP ngày 07/8/2025; Công văn số 1164/STC-NSXP ngày 18/8/2025; Công văn số 1316/STC-NSXP ngày 22/8/2025.

²⁸ Công văn số 276/STC-NSXP ngày 17/7/2025; Tờ trình 114/TTr-STC ngày 20/8/2025; Tờ trình số 123/TTr-STC ngày 22/8/2025.

²⁹ Công văn số 1399/STC-NSXP ngày 26/8/2025; Công văn số 1758/STC-NSXP ngày 09/9/2025.

nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.

- Trong Quý I/2026, tỉnh đã có văn bản gửi các Sở, ngành góp ý về phương án phân loại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc để các Sở, ngành quyết định giao quyền tự chủ cho các ĐVSNCL trực thuộc giai đoạn 2026-2030 theo quy định.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Trong Quý I/2026, UBND tỉnh đã triển khai Kế hoạch số 0155/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk năm 2026; Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 10/02/2026 của Tỉnh ủy về Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng tỉnh Đắk Lắk năm 2026; Chỉ thị số 25/CT-UBND ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh về việc thực hiện nghiêm quy định xin lỗi bằng văn bản đối với hồ sơ thủ tục hành chính quá hạn giải quyết trên địa bàn tỉnh.

6.1. Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật

- 100% cán bộ, công chức, viên chức ở các sở, ban, ngành (cấp tỉnh); UBND các xã, phường (cấp xã) được trang bị máy tính.

- 100% cơ quan nhà nước có kết nối Internet băng thông rộng.

Các hệ thống thông tin dùng chung được hình thành đã đảm bảo, tuân thủ theo đúng mục tiêu khi xây dựng nhiệm vụ, theo đúng định hướng, chủ trương về phát triển ứng dụng CNTT, xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số; các cơ quan, đơn vị đã kết nối mạng WAN, LAN vào mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước. Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đặt tại Sở Khoa học và Công nghệ (tại trụ sở 02, Số 08 Lý Thái Tổ, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk) được trang bị đầy đủ các điều kiện để tích hợp các hệ thống phần mềm của tỉnh. Hiện nay đã phục vụ cho Hệ thống Quản lý văn bản điều hành, Hệ thống thư điện tử công vụ, Hệ thống Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, Phần mềm Quản lý cán bộ công chức, viên chức.

6.2. Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng

Về hạ tầng trung tâm dữ liệu được đầu tư xây dựng năm 2020 cơ bản đã hoàn thiện các nội dung: (1) Hạ tầng mạng truyền dẫn bao gồm các thiết bị mạng, hệ thống mạng cáp quang, mạng Internet, mạng MAN/WAN, mạng WiFi bảo đảm phù hợp với nhu cầu, mục đích triển khai Trung tâm IOC; (2) hạ tầng cơ sở vật chất của Trung tâm IOC bao gồm hệ thống hiển thị, điều khiển hiển thị, hệ thống máy tính trạm vận hành, hệ thống mạng truyền dẫn của Trung tâm; cơ sở vật chất phòng điều hành, bàn ghế; hệ thống tổng đài... theo nhu cầu thực tế của địa phương, bảo đảm hiệu quả triển khai.

Sau khi Dự án xây dựng Hạ tầng CDS tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025 và định hướng 2030 hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2025 sẽ đáp ứng các yêu cầu về: (1) Hạ tầng lưu trữ đảm bảo phục vụ cho hoạt động Trung tâm IOC, bao gồm kho dữ liệu dùng chung, các công nghệ và thiết bị lưu trữ căn cứ vào quy mô, khối lượng dữ liệu phục vụ các đối tượng sử dụng, tần suất cập nhật dữ liệu, mức độ tăng trưởng dữ liệu và dữ liệu lịch sử (log) phục vụ phân

tích chuyên sâu; (2) hạ tầng tính toán cho Trung tâm IOC bao gồm hệ thống máy chủ, hạ tầng tính toán hiệu năng cao (GPU), hệ thống điện toán biên ứng dụng công nghệ điện toán đám mây,... căn cứ vào khối lượng và tần suất kết nối, đồng bộ, xử lý dữ liệu, số lượng các bài toán phân tích, mức độ tăng trưởng dữ liệu, khối lượng cần tính toán, xử lý thời gian thực; (3) các giải pháp phù hợp để thu thập và cung cấp dữ liệu phục vụ phân tích, xử lý dữ liệu giải quyết các bài toán nghiệp vụ của Trung tâm IOC; (4) hạ tầng vật lý đáp ứng yêu cầu vận hành cho Trung tâm dữ liệu hoặc phòng máy chủ theo quy định hiện hành và các yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin.

6.3. Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu

Tỉnh đang thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với các Cơ sở dữ liệu quốc gia như: Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, bảo hiểm, đăng ký doanh nghiệp. Ứng dụng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) để kết nối với các hệ thống quốc gia và cung cấp DVC trực tuyến. Ngành y tế bước đầu triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử. Ngành giáo dục xây dựng hệ thống quản lý học sinh, giáo viên trực tuyến. Cơ sở dữ liệu đất đai từng bước số hóa, hỗ trợ công khai minh bạch thông tin.

Các dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh được triển khai thí điểm từ năm 2021, đến tháng 9/2023 chính thức triển khai 10 dịch vụ đô thị thông minh gồm: Dịch vụ giám sát hệ thống Dịch vụ công trực tuyến; Dịch vụ phản ánh hiện trường; Dịch vụ giám sát, điều hành kinh tế và xã hội; Dịch vụ giám sát an ninh trật tự và điều hành giao thông; Dịch vụ giám sát an toàn an ninh thông tin SOC; Giám sát Hiệu quả hoạt động chính quyền; Dịch vụ Giám sát, điều hành các lĩnh vực Du lịch, Y tế, Giáo dục, Tài nguyên và môi trường.

6.4. Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ

Từ ngày 15/12/2025 đến ngày 14/3/2026, tổng số văn bản điện tử gửi trên trực liên thông văn bản của tỉnh là 213.127 (trong đó: 120.657 nội bộ trong tỉnh; 92.470 ngoài tỉnh); tỷ lệ ký số đạt 100%. Đến nay, có trên 16.532 tài khoản thư điện tử công vụ của Cán bộ, công chức, viên chức dùng để trao đổi thông tin trong công việc trên Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh.

6.5. Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp

Có 13/13 Sở, ban, ngành và 102/102 UBND cấp xã có trang thông tin điện tử. Hệ thống trang thông tin điện tử cơ quan nhà nước tỉnh đã từng bước được cải thiện về giao diện, hoạt động cung cấp và tiến tới minh bạch thông tin của cơ quan nhà nước; đặc biệt là thông tin về công tác chỉ đạo điều hành, thông tin kinh tế, xã hội của tỉnh đã đăng tải kịp thời trên môi trường mạng phục vụ rộng rãi cho cộng đồng, xã hội.

6.6. Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần

Từ ngày 15/12/2025 đến ngày 14/3/2026 số liệu được trích xuất trên Hệ

thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh:

- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình trên tổng hồ sơ giải quyết TTHC đạt 33,2%, trong đó khối sở ngành đạt tỷ lệ: 35,6%, khối xã, phường đạt tỷ lệ: 31,5%. Công Dịch vụ công của tỉnh đã công khai toàn bộ 2.099 TTHC, trong đó có 2.039 TTHC đã tích hợp, cung cấp DVC trực tuyến.

- Từ ngày 15/12/2025 đến ngày 14/3/2026, hồ sơ trực tuyến nộp từ Cổng DVC quốc gia là 233.496 hồ sơ TTHC (trong đó, sở, ngành 74.837 hồ sơ trực tuyến, chiếm 32,1%; các xã, phường 158.659 hồ sơ trực tuyến, chiếm 67,9%) và 126.485 giao dịch thanh toán trực tuyến, với tổng số tiền hơn 62 tỉ đồng.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã của tỉnh đã vận hành theo mô hình Chính quyền địa phương 02 cấp, việc tiếp nhận, giải quyết TTHC đã đi vào ổn định với 279.760 hồ sơ TTHC được tiếp nhận, trong đó là trực tuyến 233.496 hồ sơ, chiếm 83,5%; hồ sơ trực tiếp nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công là 46.264 hồ sơ, chiếm 16,5%.

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 279.760; giải quyết: 287.393 trong kỳ.

- Tổng số hồ sơ xử lý đúng hạn: 279.340.

- Tổng số hồ sơ giải quyết quá hạn (đã hoàn thành việc xử lý): 8.053.

- Tổng số hồ sơ giải quyết quá hạn đang xử lý (đối với hồ sơ tiếp nhận trong kỳ báo cáo): 2.724. Tổng số hồ sơ giải quyết quá hạn đang xử lý (tính lũy kế đến kỳ báo cáo): Không có.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

Trong Quý I năm 2026, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã quan tâm chú trọng từ công tác lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai theo từng lĩnh vực và nội dung hoạt động, lãnh đạo tỉnh đã trực tiếp chỉ đạo quyết liệt, quan tâm triển khai công tác CCHC, đưa ra các giải pháp tích cực trong giải quyết khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Công tác cải cách hành chính của tỉnh có những chuyển biến đáng ghi nhận được khẳng định qua những kết quả như sau:

- Công tác cải cách thể chế tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của HĐND, UBND tỉnh; được nhận thức và coi đây là nhiệm vụ quan trọng của cấp Chính quyền địa phương và của cơ quan, đơn vị chuyên môn. Công tác thẩm định, góp ý, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL được chú trọng nhằm phục vụ việc tổ chức, sắp xếp, bảo đảm cho các cơ quan, đơn vị hoạt động ổn định, thông suốt; tổng hợp giải quyết các vướng mắc, bất cập trong thực hiện các quy định về phân cấp, phân quyền khi vận hành Chính quyền địa phương 02 cấp.

- Công tác triển khai thực hiện cải cách TTHC trên địa bàn tỉnh được cấp ủy, lãnh đạo quan tâm triển khai thực hiện; các văn bản hướng dẫn triển khai được cập nhật và quán triệt kịp thời; công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực

hiện cải cách TTHC của tỉnh cơ bản triển khai, thực hiện đảm bảo tiến độ đề ra theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Chất lượng phục vụ dịch vụ công ngày càng được nâng cao thông qua việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, việc cắt giảm thời gian đối với việc giải quyết TTHC, với thái độ phục vụ tận tình, ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức đã tạo điều kiện thuận lợi, thông thoáng cho người dân, doanh nghiệp đến liên hệ làm việc, đem đến sự hài lòng cho người dân, doanh nghiệp góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh được triển khai thực hiện theo nhiệm vụ đã đề ra; kịp thời quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị theo hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương; sắp xếp, thu gọn các đầu mối bên trong các ĐVSNCL theo đúng quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

- Kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường; công tác đào tạo, bồi dưỡng được đẩy mạnh, nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Công tác xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số trên địa bàn tỉnh cơ bản đảm bảo các nhiệm vụ đề ra. UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk đã kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương trong triển khai thực hiện. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh quan tâm, chỉ đạo sát sao công tác chuyển đổi số và sự cố gắng, nỗ lực của các cấp, các ngành trong tỉnh trong công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Các Sở, ngành, địa phương đã thường xuyên rà soát, thống kê các TTHC có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để tăng cường triển khai cung cấp trực tuyến toàn trình, một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

- Các quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, Nghị định số 111/2025/NĐCP và Thông tư số 56/2022/TT-BTC đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc triển khai cơ chế tự chủ tài chính tại các ĐVSNCL trên địa bàn tỉnh. Việc giao quyền tự chủ đã tạo điều kiện cho các đơn vị chủ động sắp xếp tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng lao động, tăng tính chủ động trong quản lý tài chính và nâng cao thu nhập cho viên chức, người lao động trên cơ sở tiết kiệm chi và thực hiện theo đúng các quy định hiện hành. Qua triển khai thực tế, các đơn vị đã cơ bản thực hiện đúng quy định, phát huy quyền tự chủ, nâng cao trách nhiệm trong quản lý tài chính, thực hành tiết kiệm, phòng chống lãng phí, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ công.

2. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh các mặt tích cực nêu trên, việc triển khai CCHC trong tỉnh vẫn còn tồn tại, hạn chế như sau:

- Việc triển khai Hệ thống thông tin giải quyết TTHC dùng chung của các bộ, ngành trên địa bàn tỉnh vẫn còn phát sinh một số khó khăn, vướng mắc, chủ

yếu liên quan đến kỹ thuật, kết nối, tích hợp hệ thống và cấu hình tài khoản. Một số hệ thống hoạt động chưa ổn định, chưa bảo đảm liên thông giữa các TTHC của các ngành, lĩnh vực, ảnh hưởng đến việc tiếp nhận, xử lý và trả kết quả hồ sơ cho cá nhân, tổ chức. Việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC trên các hệ thống của bộ, ngành chưa bảo đảm tính đồng bộ, gây khó khăn trong công tác theo dõi, thống kê và tổng hợp số liệu; hiện nay phải truy cập riêng từng hệ thống để tổng hợp báo cáo. Một số hệ thống còn phát sinh lỗi kỹ thuật, thiếu các chức năng hỗ trợ theo dõi, thông báo trạng thái hồ sơ và nhắc hồ sơ đến hạn.

Bên cạnh đó, một số TTHC chưa được tích hợp đầy đủ; việc kết nối, đồng bộ với các hệ thống quản lý chuyên ngành còn hạn chế. Ngoài ra, việc phân quyền khai thác chức năng thống kê, báo cáo còn hạn chế; quy trình giải quyết TTHC trên hệ thống chưa được cập nhật kịp thời, chưa phù hợp với quy trình nội bộ và việc phân cấp, ủy quyền giải quyết TTHC tại địa phương.

- Trụ sở, cơ sở vật chất tại Trung tâm phục vụ hành chính công UBND xã khá chật hẹp, xuống cấp nên một phần ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết công việc.

- Một số cán bộ, công chức chưa được đào tạo bài bản, trang bị kỹ năng giải quyết TTHC, tiếp xúc người dân, dẫn đến người dân còn phải chờ đợi mất thời gian và chưa thực sự hài lòng.

- Người dân ở vùng sâu, vùng xa chưa nắm bắt cách thức nộp hồ sơ trực tuyến hoặc qua bộ phận tiếp nhận cấp xã. Tỷ lệ người dân, tổ chức sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện TTHC còn thấp do chưa có thiết bị công nghệ hiện đại để scan các loại giấy tờ có liên quan khi nộp hồ sơ trực tuyến. Đồng thời, có điện thoại thông minh vẫn khó thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến do các chức năng còn rườm rà, phức tạp, khó thao tác, nên cần phải điều chỉnh các trường thông tin khi nộp hồ sơ đơn giản hơn nữa.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 9 THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Tiếp tục nêu cao tinh thần trách nhiệm người đứng đầu, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, tạo chuyên biến mạnh mẽ, thực chất về lề lối, tác phong làm việc theo Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 06/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Trong đó, tập trung triển khai một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

Nêu cao tinh thần trách nhiệm, nỗ lực hành động, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả và chất lượng hoạt động của cơ quan, đơn vị; quyết tâm trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ tại các chương trình, kế hoạch, văn bản được Trung ương và tỉnh về công tác CCHC; đồng thời, chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện về tiến độ, chất lượng, hiệu quả triển khai thực hiện công tác CCHC tại cơ quan, đơn vị mình.

Tiếp tục tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, tạo chuyên biến mạnh mẽ, thực chất về lề lối, tác phong làm việc; chủ động giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao với tinh thần trách nhiệm cao nhất,

tuyệt đối không để xảy ra tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, nhất là trong giai đoạn thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy theo chủ trương của Trung ương và của tỉnh; phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm đối với các hành vi nhũng nhiễu, phiền hà, tham nhũng, tiêu cực, để củng cố, tăng cường niềm tin của người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Đổi mới tư duy, cách làm, mạnh dạn áp dụng các sáng kiến, ứng dụng khoa học, công nghệ trong triển khai thực hiện CCHC; triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền CCHC người dân, doanh nghiệp được biết, cùng đồng hành với tỉnh.

2. Tiếp tục xác định CCHC là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, đột phá xây dựng nền hành chính minh bạch, hoạt động hiệu lực, hiệu năng, hiệu quả. Xây dựng hệ thống các chỉ tiêu, nội dung thực hiện CCHC giai đoạn 2026-2030, thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể CCHC nhà nước; xây dựng Chương trình hành động đầy mạnh CCHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phục vụ Nhân dân, hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội nhanh và bền vững giai đoạn 2026-2030.

Triển khai kiểm tra công tác CCHC năm 2026 tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Tổ chức các lớp bồi dưỡng về CCHC năm 2026.

Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện kế hoạch khắc phục các tồn tại, hạn chế và đề ra các giải pháp để cải thiện, nâng cao chất lượng hoạt động trong năm 2026 của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

UBND tỉnh thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động các cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với kết quả cải cách hành chính năm 2026 và tự đánh giá chỉ số CCHC của tỉnh năm 2026.

3. Ưu tiên giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp; tập trung thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cắt giảm TTHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp CCHC, tập trung triển khai có hiệu quả việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông, chuyển đổi số bảo đảm nguyên tắc lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm để phục vụ; nâng cao chất lượng giải quyết TTHC của địa phương đáp ứng Bộ Tiêu chí theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Thường xuyên tiếp nhận, xử lý các PAKN của các cá nhân, tổ chức về quy định hành chính theo quy định. Thực hiện nghiêm việc kiểm soát quy định TTHC trong dự thảo văn bản QPPL không để phát sinh TTHC không cần thiết, không hợp lý, không hợp pháp.

Thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa ngay các quy định, TTHC (bao gồm cả TTHC nội bộ và phân cấp, ủy quyền trong giải quyết TTHC) liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh và đời sống của nhân dân. Tổ chức kiểm soát hình thức và nội dung các Dự thảo Quyết định công bố TTHC, Quyết định công bố Danh mục TTHC do các sở, ban, ngành trình và kịp thời nhập,

đăng tải danh mục TTHC mới lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC. Tiếp tục rà soát, đẩy mạnh thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi tỉnh Đắk Lắk.

4. Tiếp tục tập trung có ý kiến việc đăng ký, góp ý, thẩm định đối với dự thảo văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh; chú trọng, nâng cao chất lượng soạn thảo, thẩm định văn bản QPPL, đảm bảo văn bản QPPL được ban hành phù hợp pháp luật, thống nhất, đồng bộ và có tính khả thi cao; kiểm soát việc tuân thủ quy trình xây dựng, ban hành văn bản QPPL theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành; bảo đảm kỷ cương, kỷ luật trong xây dựng, ban hành văn bản QPPL.

Tiếp tục triển khai công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL theo Kế hoạch số 0157/KH-UBND ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh; đồng thời theo dõi, đôn đốc các Sở, ngành tham mưu xử lý văn bản QPPL sau rà soát theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 08035/UBND-NC ngày 17/11/2025 về việc tham mưu xử lý văn bản QPPL sau rà soát, Công văn số 09463/UBND-NV ngày 10/12/2025 về việc tập trung khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ để cải thiện, nâng cao các chỉ số liên quan đến CCHC năm 2025.

Tiếp tục triển khai các hoạt động theo dõi việc thi hành văn bản QPPL năm 2026 theo Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 21/01/2026 của UBND tỉnh theo dõi việc thi hành văn bản QPPL. Tiếp nhận, thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật; duy trì hằng ngày việc truy cập, kiểm tra Hệ thống phản ánh, kiến nghị văn bản QPPL của tỉnh để kịp thời tiếp nhận, xử lý, trả lời khi có phản ánh, kiến nghị phát sinh.

5. Tiếp tục triển khai thực hiện Công văn số 59-CV/BCĐ ngày 12/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết 18-NQ/TW về “sắp xếp đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và đầu mối bên trong các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị”; Kế hoạch số 130/KH-BCĐTKNQ18 ngày 21/9/2025 của Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ về “sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức bên trong hệ thống hành chính nhà nước”; Kế hoạch số 11/KH-TU ngày 31/10/2025 của Tỉnh ủy về sắp xếp tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và đầu mối bên trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị tỉnh và Kế hoạch số 0121/KH-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh về sắp xếp các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và đầu mối bên trong các cơ quan, tổ chức thuộc Chính quyền địa phương... bảo đảm bộ máy mới đi vào hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thông suốt.

Triển khai đánh giá hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy. Rà soát, đánh giá và giao quyền tự chủ cho các ĐVSNCL theo đúng quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của ĐVSNCL.

Chủ động báo cáo Bộ Nội vụ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kế hoạch biên chế

công chức trong cơ quan hành chính và số lượng người làm việc trong các ĐVSNCL năm 2027.

6. Làm tốt công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh, kịp thời tham mưu, giải quyết các chế độ, chính sách về tiền lương và các quy định khác có liên quan đến cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

Triển khai thí điểm Đề án, kế hoạch của UBND tỉnh về đánh giá cán bộ, công chức theo KPI (sau khi có ý kiến thống nhất của UBND tỉnh). Tiếp tục thực hiện cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức theo mô hình tổ chức mới.

7. Đổi mới phương thức; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới phương thức đánh giá cán bộ, công chức từ định tính là chính chuyển sang định lượng dựa trên kết quả sản phẩm cụ thể mang lại, minh bạch, khách quan, đồng bộ; đánh giá định lượng kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn gắn với kết quả thực hiện CCHC, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm căn cứ quan trọng để các cấp ủy đảng và cơ quan có thẩm quyền xem xét đánh giá trách nhiệm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu và cấp phó người đứng đầu các cơ quan, đơn vị; xét thi đua, khen thưởng tập thể, cá nhân.

Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, có hiệu quả các kế hoạch, chương trình triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Tiếp tục tổ chức các Hội nghị/diễn đàn đối thoại trực tiếp với doanh nghiệp, nhà đầu tư, tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển; thúc đẩy thu ngân sách và giải ngân vốn đầu tư công.

- Kịp thời ghi nhận và giải quyết dứt điểm các vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh; triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút đa dạng các lĩnh vực đầu tư, tăng khả năng tiếp cận hỗ trợ đầu tư với các doanh nghiệp, nhất là đối với nhà đầu tư chiến lược.

- Tập trung theo dõi, đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công đảm bảo theo kế hoạch đề ra; theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách trên địa bàn tỉnh, có giải pháp quản lý thu; đánh giá, phân tích cụ thể các nguồn thu, xác định các nguồn thu còn tiềm năng, các lĩnh vực, loại thuế còn thất thu để kịp thời đề xuất có giải pháp quản lý hiệu quả.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị các Bộ, ngành sớm hoàn thiện việc cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã; bảo đảm tích hợp đầy đủ, thống nhất trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và cung cấp theo mô hình dịch vụ công trực tuyến tập trung của quốc gia. Đồng thời, sớm đưa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung vào vận hành chính thức, ổn định; ban hành hướng dẫn thống nhất về quy trình tiếp nhận, giải quyết

TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính trên hệ thống của các Bộ, ngành; sớm triển khai toàn bộ TTHC thuộc phạm vi quản lý lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung và có thông báo chính thức về danh mục, mã số TTHC được triển khai để địa phương có cơ sở dừng xử lý các TTHC tương ứng trên hệ thống của tỉnh, tránh việc phải vận hành song song nhiều hệ thống, bảo đảm thống nhất, đồng bộ trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Kiến nghị Bộ Tư pháp quan tâm hướng dẫn địa phương tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông phù hợp trong giai đoạn triển khai Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của các bộ, ngành, khi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ TTHC không còn thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

3. Kiến nghị Chính phủ, các Bộ, ngành sớm ban hành văn bản hướng dẫn thống nhất về khung vị trí việc làm đối với ĐVSNCN thuộc cấp xã, nhằm kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước ở cơ sở. Hướng dẫn này sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng để các địa phương thực hiện thống nhất việc xác định vị trí, sắp xếp, sử dụng và quản lý đội ngũ viên chức cấp xã, bảo đảm tính kế thừa, ổn định tổ chức, tránh xáo trộn trong quá trình chuyển đổi, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Chính quyền địa phương 02 cấp.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính Quý I năm 2026 và phương hướng, nhiệm vụ 9 tháng cuối năm 2026 của tỉnh Đắk Lắk, UBND tỉnh kính gửi Bộ Nội vụ xem xét, tổng hợp. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế, HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các Phòng; TT thuộc UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NV (M_01b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Công Thái

Phụ lục
THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ I NĂM 2026
(Kèm theo Báo cáo số 98 /BC-UBND ngày 20/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Biểu mẫu 1
CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, Chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	15	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	32,65%	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	49	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	16	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số Sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	-	Tỉnh sẽ tổ chức kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương trong Quý II và III/2026
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	-	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	-	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	-	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	-	
4.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	49	35 nhiệm vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	14	trong hạn đang thực hiện
4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
4.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1 Không = 0		
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		Tỉnh sẽ tổ chức khảo sát các cơ quan, đơn vị, địa phương trong Quý II và III/2026
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
6.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Biểu mẫu 2
CẢI CÁCH THẺ CHẾ

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do địa phương ban hành	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	48	Theo số liệu cập nhật Cơ sở dữ liệu Quốc gia về văn bản pháp luật
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	01	Theo số liệu văn bản đã nhận trên hệ thống văn phòng điện tử từ cấp xã gửi
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã tự kiểm tra của cấp tỉnh	Văn bản	19	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		Không có văn bản cần xử lý
2.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	<i>Văn bản</i>	<i>0</i>	
2.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	<i>0</i>	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	99	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	25	
3.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	<i>Văn bản</i>	<i>63</i>	
3.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	<i>16</i>	

Biểu mẫu 3
CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thông kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	Tỉnh Đắk Lắk đang thực hiện rà soát, đánh giá TTHC Quý I năm 2026 (đợt I, hoàn thành trong tháng 4/2026)
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	11	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	824	Trong đó, 622 TTHC sửa đổi bổ sung và 202 TTHC bãi bỏ
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	2.148	87 TTHC dùng chung cấp tỉnh, cấp xã
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh	Thủ tục	1.816	
1.4.2.	Số TTHC cấp xã	Thủ tục	419	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	%	100	
2.2.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	2.148	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	97,3%	Thống kê trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh (iGate)
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	121.298	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	118.060	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	97,1%	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	166.099	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	161.283	
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	90,69	UBND tỉnh đã chuyển 53 PAKN đến cơ quan, đơn vị, địa phương để xử lý; hiện vẫn còn trong hạn xử lý
3.3.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	569	
3.3.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	516	

Biểu mẫu 4
CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100%	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100%	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh (tổ chức hành chính khác)	Ban	02	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	03	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	1.580	
1.5.1.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	09	
1.5.2.	<i>Số ĐVSNCL thuộc Sở, ngành và tương đương</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	214	
1.5.3.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp xã</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	1.357	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	9.230	Bao gồm biên chế cấp tỉnh, huyện, xã sau sắp xếp ĐVHC
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	6.113	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	86	Hợp đồng lao động theo Nghị định số 173/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ tại UBND cấp xã
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	52.447	Đã bao gồm 1.052 biên chế bổ sung sự nghiệp giáo dục
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	48.020	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo (so với 2024 của cả 2 tỉnh)	Người	1.418	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	17,54%	

Biểu mẫu 5
CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	115	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1.580	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp tỉnh trở lên.	Người	0	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người		
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).	Người	8	

4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	1	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	1	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	6	

Biểu mẫu 6
CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	4,6%	Số liệu tổng hợp đến ngày 10/3/2026
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	9.387,960	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	432,491	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	1.580	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	8	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	23	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	64	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>31</i>	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>28</i>	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>5</i>	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	1.485	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị	0	



Biểu mẫu 7
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
3.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
3.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
3.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
3.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh.</i>	%	100	
3.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%	100	
3.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%	100	
3.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	100	
4.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
4.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	31.4%	b/a*100

4.1.1.	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	Thủ tục	1047	a
4.1.2.	Số lượng DVCTT toàn trình	Thủ tục	329	b
4.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	28.4	b/a*100
4.2.1.	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	Thủ tục	289	a
4.2.2.	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Thủ tục	273	b